

**CÔNG TY TNHH MTV
CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014



MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	01
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	02 – 04
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	05 – 06
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	07 – 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	12 – 13
7. Bàn thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	14 – 33

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai là doanh nghiệp Nhà nước, được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600259296 (số cũ: 4704000005) chứng nhận lần đầu ngày 07 tháng 04 năm 2004, thay đổi lần 05 ngày 29 tháng 12 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Trụ sở chính đặt tại số 48, đường Cách Mạng Tháng 8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Vốn điều lệ của Công ty là 1.000.000.000.000 đồng.

Chủ sở hữu : Tổng Công ty phát triển Khu Công nghiệp.

Địa chỉ của chủ sở hữu: Số 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Hoạt động chính của Công ty gồm:

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước: Khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt đô thị và công nghiệp, phân phối nước sạch;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại: Sản xuất các sản phẩm cơ khí chuyên ngành nước;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: Kinh doanh khách sạn;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Kinh doanh vật tư thiết bị phụ kiện chuyên ngành nước;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Tư vấn thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp; Thiết kế công trình cấp nước; Thiết kế hệ thống cấp nước cho công trình; Dịch vụ hỗ trợ xây dựng; Dịch vụ tư vấn thiết kế khác; Thiết kế công trình thoát nước; Lập dự án đầu tư, thẩm định dự án đầu tư; Giám sát thi công công trình dân dụng – công nghiệp; Lập hồ sơ mời thầu; Đánh giá hồ sơ dự thầu; Thẩm định thiết kế kỹ thuật; Quyết toán các dự án đầu tư; Tư vấn quản lý dự án đầu tư; Thẩm định hồ sơ mời thầu và dự toán – tổng dự toán; Thẩm định kết quả đấu thầu;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị và khu công nghiệp; Xây dựng nhà ở và cho thuê nhà; Cho thuê văn phòng; Kinh doanh bất động sản;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng: Sản xuất nước tinh khiết đóng chai;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng công trình công nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí: Lắp đặt hệ thống cấp nước, thoát nước;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Xây dựng công trình công ích: Xây dựng các công trình cấp thoát nước; Xây dựng trạm bơm;
- Xây dựng nhà các loại: Xây dựng công trình dân dụng.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 33).

CÔNG TY TNHH MTV CÁP NƯỚC ĐỒNG NAI
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Công ty chính thức chuyển đổi và hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 05 ngày 29 tháng 12 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Ngoài sự kiện nêu trên, Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng.

Hội đồng Thành viên và Ban Giám đốc

Hội đồng Thành viên và Ban Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Thành viên

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Vũ Văn Học	Chủ tịch	-	-
Ông Đặng Trọng Thành	Phó Chủ tịch	-	01 tháng 04 năm 2014
Ông Phan Hùng	Thành viên	01 tháng 04 năm 2014	-
Ông Lê Duy Diệp	Thành viên	-	-
Ông Ngô Thanh Thụy	Thành viên	-	-
Ông Nguyễn Văn Bính	Thành viên	01 tháng 04 năm 2014	-

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Phan Hùng	Giám đốc	01 tháng 04 năm 2014	-
Ông Đặng Trọng Thành	Giám đốc	-	01 tháng 04 năm 2014
Ông Nguyễn Xuân Thịnh	Phó Giám đốc	-	-
Ông Nguyễn Văn Bính	Phó Giám đốc	-	-
Bà Mai Ngọc Thu	Phó Giám đốc	-	-
Ông Lê Duy Diệp	Phó Giám đốc	01 tháng 04 năm 2014	-
Bà Nguyễn Thu Oanh	Kế toán trưởng	01 tháng 04 năm 2014	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán, Kế toán và Tư vấn Thuế AAT đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, và bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Xác nhận của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính riêng; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

CÔNG TY TNHH MTV CÁP NƯỚC ĐỒNG NAI
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chúng tôi, Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng, Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Ban Giám đốc



Phan Hưng
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 12 tháng 01 năm 2015



Số: 17/2015/BCKT - TC/AAT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai

Kính gửi: HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN, BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai, được lập ngày 15 tháng 01 năm 2015, từ trang 07 đến trang 33 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định về lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo kiểm toán được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Hà Nội, ngày 04 tháng 03 năm 2015

Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán,
Kế toán và Tư vấn Thuế AAT

Giám đốc



Kiểm toán viên

Dương Thị Thảo
Giấy chứng nhận hành nghề kiểm toán
Số: 0162 - 2013 - 141 - 1

Trần Thị Nguyệt
Giấy chứng nhận hành nghề kiểm toán
Số: 0589 - 2013 - 141 - 1

CÔNG TY TNHH MTV CÁP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, đường CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		292.197.880.725	316.433.998.584
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	152.598.525.262	66.191.892.843
1. Tiền	111		152.598.525.262	66.191.892.843
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		78.133.350.611	196.207.697.534
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	61.762.532.559	44.375.467.765
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	9.413.416.724	145.241.250.329
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	6.957.401.328	7.376.988.849
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.5	-	(786.009.409)
IV. Hàng tồn kho	140		35.553.180.188	32.878.038.353
1. Hàng tồn kho	141	V.6	35.553.180.188	32.878.038.353
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		25.912.824.664	21.156.369.854
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		9.321.278.457	18.201.141.718
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.7	15.251.048.838	1.351.353.977
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8	1.340.497.369	1.603.874.159

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, đường CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.686.153.887.632	2.124.149.458.132
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		2.565.873.138.811	2.074.199.346.147
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	1.485.741.368.541	1.358.781.113.729
<i>Nguyên giá</i>	222		2.425.909.029.593	2.175.426.605.259
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(940.167.661.052)	(816.645.491.530)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	24.914.470.263	10.573.802.480
<i>Nguyên giá</i>	228		26.760.949.338	12.006.914.568
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.846.479.075)	(1.433.112.088)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	1.055.217.300.007	704.844.429.938
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		116.436.877.753	48.457.332.268
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.12	103.728.819.600	39.493.053.500
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.13	9.638.335.663	7.297.500.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.14	3.069.722.490	1.950.100.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	(283.321.232)
V. Tài sản dài hạn khác	260		3.843.871.068	1.492.779.717
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.15	3.843.871.068	1.492.779.717
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.978.351.768.357	2.440.583.456.716

CÔNG TY TNHH MTV CÁP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, đường CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.863.710.601.510	1.956.458.963.134
I. Nợ ngắn hạn	310		424.278.670.108	237.288.282.130
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.16	207.693.867.048	158.341.932.528
2. Phải trả người bán	312	V.17	55.902.948.818	44.710.724.610
3. Người mua trả tiền trước	313	V.18	3.888.194.827	1.967.914.811
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.19	31.322.234.846	2.258.826.610
5. Phải trả người lao động	315		770.431.124	7.393.242.276
6. Chi phí phải trả	316	V.20	5.163.628.853	8.161.924.671
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.21	109.477.126.160	9.051.532.510
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.22	10.060.238.432	5.402.184.114
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1.439.431.931.402	1.719.170.681.004
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.23	417.160.358.924	640.858.386.642
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.24	1.022.271.572.478	1.078.312.294.362
5. Thuê thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.114.641.166.847	484.124.493.582
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.113.814.459.039	483.300.957.569
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.25	1.000.000.000.000	320.907.986.082
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.25	-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.25	4.254.410.274	25.248.147.019
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.25	-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.25	-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.25	109.560.048.765	19.363.701.247
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421	V.25	-	117.781.123.221
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		826.707.808	823.536.013
1. Nguồn kinh phí	432		826.707.808	823.536.013
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.978.351.768.357	2.440.583.456.716

CÔNG TY TNHH MTV CÁP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, đường CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại (USD)		1.246,84	1.258,02
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Đồng Nai, ngày 12 tháng 01 năm 2015

Nguyễn Thị Thanh Tâm
Người lập biểu



Nguyễn Thu Oanh
Kế toán trưởng

Phan Hùng
Giám đốc



CÔNG TY TNHH MTV CÁP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, đường CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	557.871.094.880	453.714.782.451
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	13.847.836	22.339.071
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	557.857.247.044	453.692.443.380
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	424.808.880.720	389.701.154.245
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		133.048.366.324	63.991.289.135
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	173.868.557.827	69.778.513.821
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	45.699.492.632	32.750.175.214
Trong đó: chi phí lãi vay	23		42.033.200.881	30.970.513.496
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	54.629.474.394	51.231.611.787
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	39.515.171.093	25.827.629.308
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		167.072.786.032	23.960.386.647
11. Thu nhập khác	31	VI.7	893.863.741	765.995.809
12. Chi phí khác	32	VI.8	1.003.626.188	2.020.312.823
13. Lợi nhuận khác	40		(109.762.447)	(1.254.317.014)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		166.963.023.585	22.706.069.633
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.19	35.481.769.985	3.342.368.387
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>131.481.253.600</u>	<u>19.363.701.246</u>

Đồng Nai, ngày 12 tháng 01 năm 2015

Nguyễn Thị Thanh Tâm
Người lập biểuNguyễn Thu Oanh
Kế toán trưởngPhan Hùng
Giám đốc

CÔNG TY TNHH MTV CÁP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, đường CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LUU CHUYỀN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		166.963.023.585	22.706.069.633
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.9, V.10	153.979.195.185	182.218.396.027
- Các khoản dự phòng	03		(1.069.330.641)	781.501.539
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(136.795.309.230)	(50.638.537.778)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(7.019.606.451)	(10.843.586.627)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	42.033.200.881	30.970.513.496
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		218.091.173.329	175.194.356.290
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		114.103.901.522	(14.986.131.978)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(2.675.141.835)	3.455.785.893
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		360.955.028.598	304.679.938.864
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.413.802.502)	1.441.371.422
- Tiền lãi vay đã trả	13		(42.610.246.951)	(45.689.684.904)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.19	(9.226.266.863)	(5.867.155.863)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		1.569.916.895	1.347.530.002
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(6.835.648.090)	(24.565.658.074)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		<u>631.958.914.103</u>	<u>395.010.351.652</u>
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(652.487.977.717)	(192.903.261.830)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	594.363.637
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7.019.606.451	10.735.380.146
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		<u>(645.468.371.266)</u>	<u>(181.573.518.047)</u>

CÔNG TY TNHH MTV CÁP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, đường CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	17.197.000.000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.16, V.24	822.582.641.292	380.332.136.235
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.16, V.24	(714.926.714.457)	(585.793.897.350)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.25	(7.739.837.253)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>99.916.089.582</i>	<i>(188.264.761.115)</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	<i>50</i>		<i>86.406.632.419</i>	<i>25.172.072.490</i>
<i>Tiền và tương đương tiền đầu năm</i>	<i>60</i>	<i>V.1</i>	<i>66.191.892.843</i>	<i>41.019.820.353</i>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<i>Tiền và tương đương tiền cuối năm</i>	<i>70</i>	<i>V.1</i>	<i>152.598.525.262</i>	<i>66.191.892.843</i>



Đồng Nai, ngày 12 tháng 01 năm 2015

Nguyễn Thị Thanh Tâm
Người lập biểu

Nguyễn Thu Oanh
Kế toán trưởng

Phan Hùng
Giám đốc

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, đường CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600259296 (số cũ: 4704000005) chứng nhận lần đầu ngày 07 tháng 04 năm 2004, thay đổi lần 05 ngày 29 tháng 12 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Trụ sở chính đặt tại số 48, đường CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Vốn điều lệ của Công ty là 1.000.000.000.000 đồng.

Các đơn vị trực thuộc:

Đơn vị	Địa chỉ
Ban Quản lý dự án	Xã Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Xí nghiệp nước Thiện Tân	Xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai
Xí nghiệp nước Long Bình	Phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Xí nghiệp nước Vĩnh An	Thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai
Xí nghiệp nước Biên Hòa	Phường Quyết thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Xí nghiệp nước Xuân Lộc	Thị trấn Gia Ray, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai
Xí nghiệp nước Nhơn Trạch	Xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai
Xí nghiệp nước Tân Định	Thị trấn Định Quán, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai
Khách sạn Công đoàn	Thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu

2. Linh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây lắp, thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước: Khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt đô thị và công nghiệp, phân phối nước sạch;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại: Sản xuất các sản phẩm cơ khí chuyên ngành nước;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: Kinh doanh khách sạn;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Kinh doanh vật tư thiết bị phụ kiện chuyên ngành nước;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Tư vấn thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp; Thiết kế công trình cấp nước; Thiết kế hệ thống cấp nước cho công trình; Dịch vụ hỗ trợ xây dựng; Dịch vụ tư vấn thiết kế khác; Thiết kế công trình thoát nước; Lập dự án đầu tư, thẩm định dự án đầu tư; Giám sát thi công công trình dân dụng – công nghiệp; Lập hồ sơ mời thầu; Đánh giá hồ sơ dự thầu; Thẩm định thiết kế kỹ thuật; Quyết toán các dự án đầu tư; Tư vấn quản lý dự án đầu tư; Thẩm định hồ sơ mời thầu và dự toán – tổng dự toán; Thẩm định kết quả đấu thầu;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị và khu công nghiệp; Xây dựng nhà ở và cho thuê nhà; Cho thuê văn phòng; Kinh doanh bất động sản;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng: Sản xuất nước tinh khiết đóng chai;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng công trình công nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí: Lắp đặt hệ thống cấp nước, thoát nước;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Xây dựng công trình công ích: Xây dựng các công trình cấp thoát nước; Xây dựng trạm bơm;
- Xây dựng nhà các loại: Xây dựng công trình dân dụng.

CÔNG TY TNHH MTV CÁP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, đường CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi số trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc.

Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính toàn Công ty.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, đường CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tinh đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của tài sản tuân thủ theo đúng Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013.

Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	03 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05
Tài sản cố định khác	04 – 05

6. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao từ 20 – 46 năm.

Chi phí quy hoạch cấp nước

Chi phí qui hoạch cấp nước tinh Đồng Nai đến năm 2010 và định hướng phát triển đến năm 2020 được ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Chi phí quy hoạch cấp nước được khấu hao trong 04 năm.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong 03 năm.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

CÔNG TY TNHH MTV CÁP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, đường CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Đầu tư tài chính

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được đánh giá lại theo hướng dẫn tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 07 năm 2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

10. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

11. Các khoản dự phòng phải trả

Chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng loại công trình xây lắp có cam kết bảo hành với mức trích lập theo các cam kết với khách hàng.

12. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

13. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

CÔNG TY TNHH MTV CÁP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, đường CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

15. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

16. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.3.

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, đường CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	157.568.714	921.460.238
Tiền gửi ngân hàng	152.440.956.548	65.149.089.004
Các khoản tương đương tiền	-	121.343.601
Cộng tiền và các khoản tương đương tiền	152.598.525.262	66.191.892.843

2. Phải thu khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hoạt động cung cấp nước	60.687.906.213	41.877.739.951
Hoạt động cung cấp dịch vụ lắp đặt (*)	1.074.626.346	2.497.727.814
Cộng	61.762.532.559	44.375.467.765

(*) Chi tiết

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Cấp nước Hồ Cầu Mới	878.687.360	-
Tổng công ty Tín Nghĩa	154.000.000	154.000.000
Các khách hàng khác	41.938.986	2.343.727.814
Cộng	1.074.626.346	2.497.727.814

3. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hoạt động sản xuất kinh doanh (*)	3.372.462.683	4.640.412.009
Đầu tư xây dựng cơ bản (**)	6.040.954.041	140.600.838.320
Cộng	9.413.416.724	145.241.250.329

(*) Chi tiết

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Bạch Đằng 4	1.500.000.000	1.411.684.994
Công ty TNHH Ngọc Thạch	443.448.160	218.021.160
Xí nghiệp nước Xuân Lộc	307.640.080	-
Các nhà cung cấp khác	1.121.374.443	3.010.705.855
Cộng	3.372.462.683	4.640.412.009

() Chi tiết**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Degremont Ltd - Nhà thầu CP3	3.127.400.792	30.432.342.458
Công ty Salcon Engineering Berhad - Nhà thầu CP2	1.090.802.465	60.012.901.363
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng cáp thoát nước - Nhà thầu CP4	579.329.364	32.470.334.447
Các nhà cung cấp khác	1.243.421.420	17.685.260.052
Cộng	6.040.954.041	140.600.838.320

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, đường CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu tài sản trên đất của Công ty Cao su Mâu	1.753.316.818	1.753.316.818
Tạm ứng bồi thường cho các hộ dân theo Công văn 326	1.603.529.799	-
Chi phí cổ phần hóa (tiền thu lao công nhân viên hỗ trợ việc cổ phần hóa)	1.021.997.810	-
Phải thu Ngân sách tiền công trình di dời cầu bờm Xí nghiệp nước Biên Hòa	934.644.000	-
Tạm ứng bồi thường cho các hộ dân thuộc dự án cấp nước Nhơn Trạch	571.163.825	-
Các khoản phải thu khác	1.072.749.076	5.623.672.031
Cộng	6.957.401.328	7.376.988.849

5. Dự phòng phải thu khó đòi

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	786.009.409	150.000.000
Trích lập dự phòng	-	786.009.409
Hoàn nhập dự phòng	(786.009.409)	(150.000.000)
Số cuối năm	786.009.409	

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	34.867.271.001	31.484.744.758
Công cụ, dụng cụ	685.909.187	1.393.293.595
Cộng	35.553.180.188	32.878.038.353

7. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế giá trị gia tăng được hoàn	15.251.048.838	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.351.353.977
Cộng	15.251.048.838	1.351.353.977

8. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	580.444.297	1.429.137.368
Kinh phí sửa chữa duy tu trụ cột cầu	760.053.072	174.736.791
Cộng	1.340.497.369	1.603.874.159

CÔNG TY TNHH MTV CÁP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, đường CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Công
Nguyên giá						
Số đầu năm	287.831.666.546	612.268.884.502	1.240.153.761.503	18.717.233.894	16.455.058.814	2.175.426.605.259
Tăng trong năm	189.639.193.614	8.594.952.350	68.489.071.892	809.300.000	-	267.532.517.856
Mua sắm mới	6.763.516.342	6.776.878.191	15.709.419.732	809.300.000	-	30.059.114.265
Xây dựng cơ bản hoàn thành	10.908.672.401	1.818.074.159	51.591.880.899	-	-	64.318.627.459
Tăng do Cổ phần hóa	171.967.004.871	-	1.187.771.261	-	-	173.154.776.132
Giảm trong năm	(3.214.138.460)	-	-	(190.559.092)	(13.645.395.970)	(17.050.093.522)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(190.559.092)	-	(190.559.092)
Giảm do cổ phần hóa	(3.214.138.460)	-	-	-	(13.645.395.970)	(16.859.534.430)
Số cuối năm	474.256.721.700	620.863.836.852	1.308.642.833.395	19.335.974.802	2.809.662.844	2.425.909.029.593
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	30.252.630.791	133.770.232.455	142.874.969.740	2.637.527.923	2.399.556.889	311.934.917.798
Giá trị hao mòn	137.938.733.559	215.110.745.412	454.651.562.759	5.102.275.786	3.842.174.014	816.645.491.530
Số đầu năm	56.049.014.568	44.962.147.486	85.271.911.329	1.851.858.115	45.753.546	188.180.685.044
Tăng trong năm	21.732.656.830	44.962.147.486	84.973.412.221	1.851.858.115	45.753.546	153.565.828.198
Tăng do Cổ phần hóa	34.316.357.738	-	298.499.108	-	-	34.614.856.846
Giảm trong năm	(80.247.540)	(29.929.605.797)	(31.990.196.033)	(743.747.595)	(1.914.718.557)	(64.658.515.522)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(190.559.092)	-	(190.559.092)
Giá trị khác	(80.247.540)	(29.929.605.797)	(31.990.196.033)	(553.188.503)	(1.914.718.557)	(64.467.956.430)
Số cuối năm	193.907.500.587	230.143.287.101	507.933.278.055	6.210.386.306	1.973.209.003	940.167.661.052
Giá trị còn lại	149.892.932.987	397.158.139.090	785.502.198.744	13.614.958.108	12.612.884.800	1.358.781.113.729
Số cuối năm	280.349.221.113	390.720.549.751	800.709.555.340	13.125.588.496	836.453.841	1.485.741.368.541

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Quy hoạch cấp nước	Phần mềm máy tính	Công
Nguyên giá				
Số đầu năm	10.346.302.480	1.274.564.000	386.048.088	12.006.914.568
Tăng trong năm	13.489.015.023	1.540.279.027	-	15.029.294.050
Giảm trong năm	(275.259.280)	-	-	(275.259.280)
Số cuối năm	23.560.058.223	2.814.843.027	386.048.088	26.760.949.338
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-	-
Giá trị hao mòn	-	-	-	-
Số đầu năm	-	1.274.564.000	158.548.088	1.433.112.088
Tăng trong năm	239.188.694	64.178.293	110.000.000	413.366.987
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	239.188.694	1.338.742.293	268.548.088	1.846.479.075
Giá trị còn lại	10.346.302.480	-	227.500.000	10.573.802.480
Số cuối năm	23.320.869.529	1.476.100.734	117.500.000	24.914.470.263

CÔNG TY TNHH MTV CÁP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, đường CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các công trình xây dựng cơ bản dở dang		
Dự án Cáp nước Nhơn Trạch	963.824.140.834	614.847.860.407
Hệ thống cấp nước xã Long Hưng, TP Biên Hòa giai đoạn 2- 20.400m3/ngày	21.694.551.516	1.818.182
Hệ thống cấp nước phường Bửu Hòa	18.566.727.343	10.046.344.011
Dự án Cáp nước Thiện Tân	15.029.319.371	14.361.219.791
Hệ thống cấp nước thị trấn Trảng Bom	10.204.153.687	9.955.568.650
Tuyến ống cấp nước vào KCN Loteco	5.998.519.464	314.187.272
Hệ thống cấp nước phường Trảng Dài	4.436.778.543	20.177.792.634
Hệ thống cấp nước Hoá An - Tân Hạnh	4.129.634.732	9.337.209.295
Hệ thống cấp nước thị trấn Tân Phú	2.835.676.811	9.536.709.779
Mở rộng nhà máy nước Gia Ray-Xuân Lộc	1.785.361.019	1.785.361.019
Hệ thống cấp nước Long Giao - Cầm Mỹ	1.105.379.983	1.029.016.347
Di dời trạm bơm nước thô nhà máy nước Biên Hòa	1.053.491.818	-
Các công trình khác	4.553.564.886	13.451.342.551
Cộng	1.055.217.300.007	704.844.429.938

12. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ vốn điều lệ	Giá trị	Tỷ lệ vốn điều lệ	Giá trị
Công ty Cổ phần Cáp nước Nhơn Trạch (*)	52,44%	90.978.819.600	52,44%	26.743.053.500
Công ty Cổ phần Cáp nước Long Khánh (**)	51,00%	12.750.000.000	51,00%	12.750.000.000
Cộng		103.728.819.600		39.493.053.500

(*) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000498 ngày 14 tháng 02 năm 2008, thay đổi gần nhất ngày 18 tháng 05 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Cáp nước Nhơn Trạch 2.621.680 cổ phần, tương đương 52,44% vốn điều lệ.

(**) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000501 ngày 18 tháng 02 năm 2008, thay đổi gần nhất ngày 23 tháng 03 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Cáp nước Long Khánh 1.275.000 cổ phần, tương đương 51,00% vốn điều lệ.

13. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ vốn điều lệ	Giá trị	Tỷ lệ vốn điều lệ	Giá trị
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng cấp nước Đồng Nai (*)	36,00%	7.800.368.003	36,00%	5.137.500.000
Công ty Cổ phần Cáp nước Hồ Cầu Mới (**)	36,00%	1.837.967.660	36,00%	2.160.000.000
Cộng		9.638.335.663		7.297.500.000

(*) Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh số 4703000499 cấp lại lần 1 ngày ngày 03 tháng 07 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, số vốn góp của Công ty TNHH MTV Cáp nước Đồng Nai chỉ còn chiếm tỷ lệ 36% nên được trình bày lại là khoản đầu tư vào công ty liên kết.

CÔNG TY TNHH MTV CÁP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, đường CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(**) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 3602213547 ngày 07 tháng 01 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Cáp nước Hồ Cầu Mới chiếm tỷ lệ 36,00% vốn điều lệ.

14. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị	Số lượng cổ phiếu	Giá trị
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	95.010	1.039.722.490	95.010	950.100.000
Công ty Cổ phần dịch vụ Sonadezi	100.000	2.030.000.000	100.000	1.000.000.000
Cộng		3.069.722.490		1.950.100.000

15. Chi phí trả trước dài hạn

Là chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng.

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.492.779.717	2.068.611.169
Tăng mua sắm mới	5.813.164.439	3.928.945.433
Tăng do đánh giá lại tại sản Cổ phần hóa	937.288.849	-
Kết chuyển chi phí trong năm	(4.399.361.937)	(4.504.776.885)
Số cuối năm	3.843.871.068	1.492.779.717

16. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	187.693.867.048	135.341.932.528
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đồng Nai ⁽¹⁾	96.083.343.475	79.630.768.544
Ngân hàng TMCP Á Châu ⁽²⁾	-	3.650.126.964
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Việt Nam ⁽³⁾	45.141.985.395	22.061.592.326
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ⁽⁴⁾	46.468.538.178	29.999.444.694
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	20.000.000.000	23.000.000.000
Công ty Cổ phần Cáp nước Long Khánh	-	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Cáp nước Nhơn Trạch	20.000.000.000	20.000.000.000
Cộng	207.693.867.048	158.341.932.528

(¹) Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo Hợp đồng vay số 01.31/2013-HĐTDHM/NHCT680-DOWACO ngày 02/08/2013 mục đích vay dùng để bổ sung vốn lưu động; tài sản thế chấp là một phần nhà máy nước Thiện Tân, và hệ thống cấp nước Thạnh Phú.

(²) Vay Ngân hàng TMCP Á Châu theo Hợp đồng vay số DNA.DN.01010713 ngày 15/07/2013 mục đích vay dùng để bổ sung vốn lưu động; tài sản thế chấp để đảm bảo khoản vay là Hệ thống đường ống nước Bàu Xéo.

(³) Vay Ngân hàng Xuất nhập khẩu Việt Nam theo Hợp đồng vay số 1801-LAV-201301140 ngày 22/07/2013 mục đích vay dùng để thanh toán phí khai thác xử lý nước; không tài sản đảm bảo khoản vay.

(⁴) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo Hợp đồng vay số 2013009/HM2/KHDN ngày 20/05/2013 mục đích vay dùng để bổ sung vốn lưu động; không tài sản đảm bảo khoản vay.

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, đường CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tình hình biến động của các khoản vay và nợ ngắn hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	158.341.932.528	94.452.804.321
Tăng trong năm	375.401.903.043	320.855.959.901
Giảm trong năm	(326.049.968.523)	(256.966.831.694)
Số cuối năm	207.693.867.048	158.341.932.528

17. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hoạt động sản xuất kinh doanh (*)	53.117.771.418	35.177.021.609
Đầu tư xây dựng cơ bản (**)	2.785.177.400	9.533.703.001
Cộng	55.902.948.818	44.710.724.610

(*) Chi tiết

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch	16.691.847.003	407.260.000
Công ty Cổ phần Xây lắp & Sản xuất Thiết bị Ngành nước	13.750.456.667	-
Công ty TNHH MTV Hoài Như	4.521.119.862	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	4.447.005.901	5.272.509.563
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Đức Tín Phát	3.660.839.600	-
Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai	1.289.125.860	407.017.600
Công ty Cổ phần Xây dựng Đồng Nai	1.191.350.000	-
Công ty TNHH Thương mại N.T.P	1.072.500.000	902.935.000
Các nhà cung cấp khác	6.493.526.525	28.187.299.446
Cộng	53.117.771.418	35.177.021.609

() Chi tiết**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kubota Corporation	2.715.887.000	-
Thuế GTGT còn phải trả các nhà thầu phụ	9.290.400	3.656.521.572
Các nhà cung cấp khác	60.000.000	5.877.181.429
Cộng	2.785.177.400	9.533.703.001

18. Người mua trả tiền trước

Là khoản người mua trả tiền trước cho hoạt động cung cấp dịch vụ lắp đặt, trong đó:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Xí nghiệp nước Vĩnh An	1.059.734.282	-
Liên hiệp Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp tổng hợp Đồng Nai	-	1.500.000.000
Các khách hàng khác	2.828.460.545	467.914.811
Cộng	3.888.194.827	1.967.914.811

CÔNG TY TNHH MTV CÁP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, đường CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng		35.558.309	35.558.309	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.351.353.977)	35.481.769.985	(9.226.266.863)	24.904.149.145
Thuế thu nhập cá nhân	650.687.764	3.576.303.326	(3.678.143.311)	548.847.779
Tiền thuê đất	-	4.399.801.882	(719.628.139)	3.680.173.743
Thuế tài nguyên	153.223.536	3.242.923.227	(3.173.347.527)	222.799.236
Các loại thuế khác	-	5.000.000	(5.000.000)	-
Phí bảo vệ môi trường	1.454.915.310	20.300.059.764	(19.788.710.131)	1.966.264.943
Cộng	907.472.633	67.041.416.493	(36.626.654.280)	31.322.234.846

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	166.963.023.585	22.706.069.633
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(5.682.250.927)	(9.336.596.085)
<i>Chi phí không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế</i>	767.656.188	103.212.291
<i>Cổ tức được chia</i>	(6.449.907.115)	(9.439.808.376)
Thu nhập tính thuế	161.280.772.658	13.369.473.548
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	35.481.769.985	3.342.368.387

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

20. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	4.640.811.986	5.009.745.791
Chi phí phải trả khác	522.816.867	3.152.178.880
Cộng	5.163.628.853	8.161.924.671

21. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	1.617.140.864	1.570.037.769
Phí bảo vệ môi trường	2.008.394.283	1.450.986.731
Tiền nước trả trước	10.202.479.937	3.252.228.031
Thu hộ Công ty Cổ phần Dịch vụ Xây dựng cấp nước Đồng Nai	434.725.314	224.037.164
Phải trả phải nộp khác (*)	95.214.385.762	2.554.242.815
Cộng	109.477.126.160	9.051.532.510

CÔNG TY TNHH MTV CÁP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, đường CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(*) Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thu tiền mua Cổ phần Công ty	58.176.393.000	-
Phải trả Ngân sách	34.658.790.300	-
Các khoản phải trả khác	2.379.202.462	2.554.242.815
Cộng	95.214.385.762	2.554.242.815

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	2.774.933.015	4.767.992.226	(2.806.558.015)	4.736.367.226
Quỹ phúc lợi	1.549.922.168	4.892.890.082	(1.422.893.860)	5.019.918.390
Quỹ phúc lợi hình hành tài sản cố định	765.560.915	-	(765.560.915)	-
Quỹ khen thưởng Ban điều hành	311.768.016	300.000.000	(307.815.200)	303.952.816
Cộng	5.402.184.114	9.960.882.308	(5.302.827.990)	10.060.238.432

23. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm tính hạng mục XDCB tại Ban quản lý (*)	407.575.517.717	614.110.364.277
Công ty Cổ phần Thống nhất	1.028.053.494	8.799.789.072
Tổng Công ty Phát triển Khu Công Nghiệp	7.206.406.413	7.648.233.293
Liên hiệp Hợp tác xã Dịc vụ Nông nghiệp Tổng hợp Đồng Nai	1.350.381.300	-
Tổng Công ty Phát triển KCN Long Bình	-	10.300.000.000
Cộng	417.160.358.924	640.858.386.642

(*) Tại Ban quản lý dự án, công việc thanh toán cho các Nhà thầu nước ngoài có đặc thù riêng do dự án được tài trợ bằng vốn vay của cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA). Các hạng mục xây dựng hoàn thành sẽ được các Nhà thầu làm bộ hồ sơ thanh toán. Các hồ sơ này sẽ được chuyển đến ngân hàng Phát triển Việt Nam, và chuyển qua JICA phê duyệt.

Sau khi xem xét phê duyệt, Ngân hàng JICA sẽ chuyển phần tiền JPY vào tài khoản của nhà thầu ở nước ngoài. Riêng tiền VND thì JICA chuyển tiền JPY vào tài khoản của Bộ tài chính mở tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, sau đó chuyển JPY sang tiền VND, rồi chuyển vào TK của nhà thầu tại Việt Nam bằng VND.

Tại Ban quản lý dự án, căn cứ vào các biên bản nghiệm thu và bàn giao đã lập giữa Ban quản lý dự án và Nhà thầu, Ban quản lý dự án hạch toán tạm tăng giá trị xây dựng cơ bản đồng thời tăng khoản phải trả dài hạn khác, do các hạng mục này đã được Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam thanh toán nhưng chưa làm các thông tri nhận nợ.

Vì thời gian Ngân hàng JICA phê duyệt, thanh toán cho Nhà thầu, và Ban quản lý dự án nhận nợ rất cách xa nhau, nên tới thời điểm 31/12/2014 Ban quản lý dự án không thể xác nhận số dư đầy đủ với Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

CÔNG TY TNHH MTV CÁP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, đường CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết các khoản nợ phải trả dài hạn khác:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Degremont Ltd - Nhà thầu CP3	184.524.150.030	270.729.988.866
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng cung cấp thoát nước - Nhà thầu CP4	89.714.149.667	143.093.565.454
Kubota Corporation - Nhà thầu gói CP1A	54.975.518.566	64.963.659.387
Công ty Nippon Koei - Gói thầu tư vấn	37.689.646.043	54.868.990.644
Công ty Salcon Engineering Berhad - Nhà thầu CP2	28.691.922.288	59.964.215.668
Công ty Cổ phần Sông Đà 11 - Nhà thầu CP1B	6.489.339.458	14.716.386.562
Công ty Tư vấn Kỹ thuật Dohwa	3.996.453.355	4.104.129.818
Công ty Kolon Contruction	1.224.630.400	1.224.630.400
Các khoản phải trả khác	269.707.910	444.797.478
Cộng	407.575.517.717	614.110.364.277

24. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	1.022.271.572.478	908.312.294.362
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đồng Nai</i>	<i>102.450.571.757</i>	<i>91.672.165.470</i>
<i>Quỹ đầu tư phát triển Đồng Nai</i>	<i>55.356.923.273</i>	<i>62.773.404.903</i>
<i>Ngân hàng phát triển Việt Nam - CN Đồng Nai</i>	<i>864.464.077.448</i>	<i>753.866.723.989</i>
Vay dài hạn các tổ chức khác	-	170.000.000.000
<i>Ngân sách tỉnh</i>	<i>-</i>	<i>170.000.000.000</i>
Cộng	1.022.271.572.478	1.078.312.294.362

Tình hình biến động của các khoản vay và nợ dài hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.078.312.294.362	1.347.663.183.684
Tăng trong năm	447.180.738.249	59.476.148.041
Đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối năm	(114.344.714.199)	(56.496.386.957)
Giảm trong năm	(388.876.745.934)	(272.330.650.406)
Số cuối năm	1.022.271.572.478	1.078.312.294.362

CÔNG TY TNHH MTV CÁP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, đường CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

25. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: 1.000 đồng

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn CSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Công
Số dư đầu năm trước	293.510.607	(123.412.471)	14.401.340	7.331.992	17.197.741	17.770.076	85.181.482	311.980.768
Ngân sách cấp	17.197.000	-	-	-	-	-	32.599.641	49.796.641
Tăng vốn từ lợi nhuận	10.200.379	-	-	-	-	(10.200.379)	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	1.737.807	1.777.008	-	(3.514.814)	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(3.765.248)	-	(3.765.248)
Trích quỹ khen thưởng ban diều hành	-	-	-	-	-	(289.634)	-	(289.634)
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	19.363.701	-	19.363.701
Phân bổ chi phí trong năm trước	-	48.500.000	-	-	-	-	-	48.500.000
Đánh giá cuối năm	-	74.912.471	-	-	-	-	-	74.912.471
Tăng khác	-	-	9.109.000	-	-	-	-	9.109.000
Giảm khác	-	-	-	(9.109.000)	-	-	-	(9.109.000)
Nộp ngân sách	-	-	-	-	(17.197.741)	-	-	(17.197.741)
Số dư cuối năm trước	320.907.986	-	25.248.147	-	-	19.363.701	117.781.123	483.300.958
Số dư đầu năm nay	320.907.986	-	25.248.147	-	-	19.363.701	117.781.123	483.300.958
Tăng trong năm	679.092.014	-	-	-	-	-	-	679.092.014
Trích lập quỹ trong năm	-	-	4.254.410	-	-	(4.254.410)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(9.926.957)	-	(9.926.957)
Tăng do xác định lại giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa	-	-	-	-	163.178.981	-	-	163.178.981
Giảm do xác định lại giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa	-	-	(25.248.147)	-	(163.178.981)	(19.363.701)	(117.781.123)	(325.571.952)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	131.481.254	-	131.481.254
Nộp về Tổng Công ty	-	-	-	-	-	(7.739.837)	-	(7.739.837)
Số dư cuối năm nay	1.000.000.000	-	4.254.410	-	-	109.560.049	-	1.113.814.459

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn đầu tư của Nhà nước	639.891.000.000	320.907.986.082
Vốn góp của các cổ đông khác	360.109.000.000	-
Cộng	1.000.000.000.000	320.907.986.082

CÔNG TY TNHH MTV CÁP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, đường CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	557.871.094.880	453.714.782.451
<i>Doanh thu cung cấp nước</i>	532.398.608.973	418.984.560.818
<i>Doanh thu dịch vụ lắp đặt</i>	25.472.485.907	34.730.221.633
Các khoản giảm trừ doanh thu:	13.847.836	22.339.071
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	13.847.836	22.339.071
Doanh thu thuần	557.857.247.044	453.692.443.380
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu cung cấp nước</i>	532.398.608.973	418.984.560.818
<i>Doanh thu dịch vụ lắp đặt</i>	25.458.638.071	34.707.882.562

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hoạt động cung cấp nước (*)	401.751.353.310	358.055.689.346
Giá vốn hoạt động cung cấp dịch vụ lắp đặt (**)	23.057.527.410	31.645.464.899
Cộng	424.808.880.720	389.701.154.245

(*) Giá vốn hoạt động cung cấp nước

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	28.926.730.610	9.780.364.239
Chi nhân công trực tiếp	72.982.436.564	57.173.183.335
Chi phí sản xuất chung	299.842.186.136	291.102.141.772
Tổng chi phí sản xuất	401.751.353.310	358.055.689.346
Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-
Giá vốn của hoạt động cung cấp nước	401.751.353.310	358.055.689.346

(**) Giá vốn hoạt động dịch vụ lắp đặt

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	10.125.186.293	11.319.790.383
Chi nhân công trực tiếp	-	2.429.542.540
Chi phí sản xuất chung	12.932.341.117	17.896.131.976
Tổng chi phí sản xuất	23.057.527.410	31.645.464.899
Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-
Giá vốn của hợp đồng dịch vụ lắp đặt	23.057.527.410	31.645.464.899

CÔNG TY TNHH MTV CÁP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, đường CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	569.699.336	1.295.571.770
Cổ tức, lợi nhuận được chia	6.449.907.115	9.439.808.376
Lãi đầu tư cổ phiếu, trái phiếu, tín phiếu	26.161.799.600	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	225.550.795	6.834.139.179
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	140.461.600.981	52.208.994.496
Cộng	173.868.557.827	69.778.513.821

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	42.033.200.881	30.970.513.496
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện Dự án Thiện Tân giai đoạn 1	511.390.000	209.205.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện Dự án Nhơn Trạch giai đoạn 1	3.116.190.643	1.570.456.718
Lỗ đầu tư góp vốn Công ty Cổ phần Hồ Cầu Mới	38.711.108	-
Cộng	45.699.492.632	32.750.175.214

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	16.806.483.484	13.061.894.226
Chi phí vật liệu, bao bì	15.901.290.755	15.385.175.563
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	2.288.876.556	1.845.669.274
Chi phí khấu hao TSCĐ	498.527.623	227.053.333
Chi phí dịch vụ mua ngoài	318.030.671	5.367.735.053
Chi phí bằng tiền khác	18.816.265.305	15.344.084.338
Cộng	54.629.474.394	51.231.611.787

6. Chi phí quản lý

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	18.916.879.643	13.124.315.046
Chi phí vật liệu quản lý	673.566.948	671.552.909
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.535.171.595	1.314.714.531
Chi phí khấu hao TSCĐ	693.452.993	628.608.114
Thuế, phí và lệ phí	7.646.267.985	2.075.020.277
Chi phí dự phòng	-	1.000.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	436.504.900	198.686.169
Chi phí bằng tiền khác	8.613.327.029	6.814.732.262
Cộng	39.515.171.093	25.827.629.308

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ thanh lý tài sản	-	594.363.637
Thu nhập khác	893.863.741	171.632.172
Cộng	893.863.741	765.995.809

CÔNG TY TNHH MTV CÁP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, đường CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thanh lý tài sản	-	1.849.900.532
Chi phí khác	1.003.626.188	170.412.291
Cộng	1.003.626.188	2.020.312.823

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yêu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	60.450.822.757	54.916.686.879
Chi phí nhân công	108.705.799.691	96.452.337.176
Chi phí khấu hao tài sản cố định	153.979.195.185	182.218.396.027
Chi phí dịch vụ mua ngoài	157.398.718.842	88.639.003.263
Chi phí khác	38.418.989.732	44.533.971.995
Cộng	518.953.526.207	466.760.395.340

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LUU CHUYÈN TIỀN TỆ

1. Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Năm nay
Tăng vốn từ Cổ phần hóa	679.092.013.918
Chi phí lãi vay được vốn hóa	5.217.858.056
Chi phí lãi vay chưa thanh toán	4.640.811.986
Chênh lệch ứng trước nhà cung cấp hoạt động đầu tư XDCB	206.534.846.560
Chênh lệch phải trả nhà cung cấp hoạt động đầu tư XDCB	6.748.525.601
Mua tài sản cố định chưa thanh toán	15.082.182.951
Tăng nguyên giá tài sản do Cổ phần hóa	156.295.241.702
Giảm hao mòn lũy kế tài sản cố định do Cổ phần hóa	29.853.099.584
Tăng chi phí trả trước dài hạn do Cổ phần hóa	937.288.849
Tăng các khoản đầu tư do đánh giá lại Cổ phần hóa	67.696.224.253

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Công ty chính thức chuyển đổi và hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 05 ngày 29 tháng 12 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính cần trình bày trên Báo cáo tài chính.

2. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán.

CÔNG TY TNHH MTV CÁP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, đường CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Lương Ban giám đốc	3.059.142.857	3.499.995.420
Thù lao Hội đồng Thành viên	338.300.000	430.650.720
Thù lao Ban Kiểm soát	248.200.000	206.236.500
Cộng	3.645.642.849	4.136.882.640

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty phát triển Khu Công nghiệp	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch	Công ty con
Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh	Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	Công ty liên kết

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

Bên liên quan	Năm nay	Năm trước
<i>Tổng Công ty phát triển Khu Công nghiệp</i>		
Nộp tiền về Tổng Công ty	7.739.837.253	-
Cung cấp dịch vụ lắp đặt	806.903.414	-
<i>Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch</i>		
Cung cấp nước sạch	17.809.221.100	40.095.245.400
Vay tiền	-	20.000.000.000
Lãi cho vay	1.384.722.222	1.100.000.000
Chuyển nhượng tài sản	16.466.323.376	-
Cổ tức được chia	3.932.802.000	7.865.604.000
<i>Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh</i>		
Mua dịch vụ	-	1.709.472.382
Nhận cổ tức	1.274.617.615	1.402.079.376
Lãi vay ngắn hạn	154.667.000	186.000.000
Trả nợ gốc vay	3.000.000.000	-
<i>Công ty Cổ phần Dịch vụ Xây dựng Cấp nước Đồng Nai</i>		
Mua dịch vụ	67.667.382.518	64.928.596.456
Nhận cổ tức	904.500.000	172.125.000
Lãi vay ngắn hạn	-	56.250.000
Tăng khoản đầu tư	-	2.587.500.000

CÔNG TY TNHH MTV CÁP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, đường CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, số dư với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Công ty Cổ phần Cáp nước Nhơn Trạch</i>		
Phải thu tiền ứng trước	12.350.000	1.823.570.070
Cộng nợ phải thu	12.350.000	1.823.570.070
 <i>Tổng Công ty Phát triển Khu công nghiệp</i>		
Phải trả tiền ứng trước	7.206.406.413	7.648.233.293
<i>Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cáp nước Đồng Nai</i>		
Phải trả tiền cung cấp dịch vụ	4.447.005.901	5.272.509.563
Tiền thu hộ	434.725.314	224.037.164
<i>Công ty Cổ phần Cáp nước Long Khánh</i>		
Vay ngắn hạn	-	3.000.000.000
Phải trả tiền cung cấp dịch vụ	-	578.842.873
<i>Công ty Cổ phần Cáp nước Nhơn Trạch</i>		
Phải trả gốc vay	20.000.000.000	20.000.000.000
Phải trả lãi vay	147.222.222	325.000.000
Phải trả tiền mua tài sản cố định	16.466.323.376	-
Phải trả khác	82.260.000	-
Cộng nợ phải trả	48.783.943.226	37.048.622.893

Đồng Nai, ngày 12 tháng 01 năm 2015

Nguyễn Thị Thanh Tâm
Người lập biểu



Nguyễn Thu Oanh
Kế toán trưởng

Phan Hùng
Giám đốc



NH
+